TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2022
V/v: *"Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Chung;
2. Ông Lương Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mạc Văn Hinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc "*Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số: 02/2022/QĐST-HPT ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1975
Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1974
Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
Chỗ ở hiện nay: thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T trình bày:*

Trước đây, bà Huỳnh Thị Bích T và ông Nguyễn Văn R là vợ chồng, sau đó do mâu thuẫn nên vợ chồng tiến hành thủ tục giải quyết ly hôn tại Tòa án. Theo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 205/2019/HNGĐ-ST ngày 17/10/2019 của TAND huyện Đ quyết định về quan hệ hôn nhân cho bà T được ly hôn với ông R. Về tài sản chung không yêu cầu mà vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, nhưng sau khi ly hôn thì phần tài sản chung bà T và ông R không thể tự phân chia được.

Theo bà T tài sản chung mà bà và ông R đã tạo lập ra trong thời kỳ hôn nhân gồm có 01 ngôi nhà xây cấp 4 cùng các công trình phụ xây trên thửa đất số 473, tờ bản đồ số 21 tại thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (thửa đất là tài sản riêng của bà T do cha mẹ tặng cho cá nhân bà T đứng tên Giấy CNQSD đất được UBND huyện Đ cấp ngày 08/5/2014).

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia đôi tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là ngôi nhà xây cấp 4 cùng các công trình phụ xây trên thửa đất số 473, tờ bản đồ số 21 mà cá nhân bà T đứng tên quyền sử dụng đất. Nguyện vọng của bà T là được nhận toàn bộ tài sản tranh chấp và có trách nhiệm thối trả ½ giá trị chêch lệch trong khối tài sản chung cho ông Nguyễn Văn R.

* *Tại hồ sơ vụ án thể hiện:* Ông Nguyễn Văn R có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và hiện đang cư trú tại thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam nhưng không hợp tác làm việc với Tòa án. Do vậy Toà án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của ông R như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo công khai chứng cứ; Thông báo các phiên hòa giải; Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ; Quyết định định giá tài sản; Thông báo kết quả định giá tài sản; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T làm đơn đề nghị Tòa án huyện Đ phô tô tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án đã thụ lý, giải quyết vào ngày 19/11/2020 nhưng bà rút đơn khởi kiện để xác định lời trình bày của ông R về tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn theo yêu cầu của bà T gồm: Bản tự khai của ông Nguyễn Văn R; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải; Biên bản đối chất và ông R cho rằng tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là 01 ngôi nhà xây cấp 4 cùng các công trình phụ xây dựng trên đất của cha mẹ ruột bà T cho chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân tại thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam nhưng bà T không đồng ý.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn R không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông R vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắc nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T. Giao bà Huỳnh Thị Bích T được nhận sở hữu ngôi nhà xây cấp 4 cùng các công trình phụ xây trên thửa đất số 473, tờ bản đồ số 21 do cá nhân bà T đứng tên quyền sử dụng đất tại thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và bà T có trách nhiệm thối trả ½ giá trị tài sản tranh chấp cho ông Nguyễn Văn Ri theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

{1.1} Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Huỳnh Thị Bích T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đây là quan hệ tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn.

{1.2} Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tài sản đương sự tranh chấp là ngôi nhà xây cùng các công trình phụ tọa lạc trên thửa đất số 473, tờ bản đồ số 21 tại thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, đồng thời bị đơn ông Nguyễn Văn R có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và hiện đang cư trú tại thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Theo quy đinh tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

{1.3} Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn R đã cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc với Tòa án nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn R vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

{2.1} Xét thửa đất số 473, tờ bản đồ số 21, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn mà vợ chồng bà T và ông R xây ngôi nhà cấp 4 cùng các công trình phụ tại thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam do bà Huỳnh Thị Bích T đứng tên quyền sử dụng đất thì thấy: Bà T và ông R xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1998, đến năm 2001 vợ chồng xây dựng ngôi cấp 4 cùng các công trình phụ trên thửa đất số 473, tờ bản đồ số 21 của gia đình bà T. Tại Công văn số 132/UBND-TNMT ngày 10/01/2022 của UBND huyện Đ phúc đáp yêu cầu của TAND huyện Đ xác định: Theo hợp đồng tặng cho giữa hộ ông Huỳnh K và bà Đặng Thị H với bà Huỳnh Thị Bích T được UBND xã Q chứng thực hợp đồng ngày 07/4/2014, đơn đăng ký biến động của ông Huỳnh K đề ngày 07/4/2014 và căn cứ quy định của pháp luật, các cơ quan chuyên môn của huyện đã tham mưu cho UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 563073, số vào sổ CH 00066, cấp ngày 08/5/2014 tại thửa đất số 473, tờ bản số số 21, loại đất ở nông thôn, diện tích 197m^2; địa chỉ thửa đất tại thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam là cấp cho cá nhân bà Huỳnh Thị Bích T.

{2.2} Xét tài sản chung của vợ chồng bà T và ông R là ngôi nhà xây cấp 4 cùng các công trình phụ xây dựng trên thửa đất số 473, tờ bản đồ số 21 thì thấy: Trong thời kỳ hôn nhân bà T và ông R có tạo lập ra tài sản chung là 01 ngôi nhà xây cùng các công trình phụ được xây dựng trên thửa đất số 473, tờ bản đồ số 21 tại thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định tài sản chung là ngôi nhà cùng các công trình phụ trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông R được Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự ngày 06/12/2021 xác định tổng giá trị tài sản là 313.416.000 đồng.

Bà T cho rằng ngôi nhà xây dựng trên thửa đất do cá nhân bà đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi ly hôn bà vẫn sinh sống ở ngôi nhà này để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đối với ông R không sinh sống trong ngôi nhà đã lâu và trong quá trình giải quyết vụ án ông R không hợp tác, không đến Tòa án để thỏa thuận giải quyết phân chia tài sản chung sau ly hôn nên nguyện vọng của bà T được nhận toàn bộ tài sản tranh chấp là ngôi nhà cùng các công trình phụ xây dựng trên thửa đất số 473, tờ bản đồ 21 do cá nhân đứng chủ sử dụng đất và bà T có trách nhiệm thối lại ½ giá trị chêch lệch trong khối tài sản chung cho ông R.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phân chia tài sản chung sau ly hôn giữa bà T và ông R, cụ thể như sau: Phần bà Huỳnh Thị Bích T được nhận sở hữu 01 ngôi nhà cấp

4 cùng các công trình phụ được xây dựng trên thửa đất số 473, tờ bản đồ số 21 thuộc quyền sử dụng đất của cá nhân bà Huỳnh Thị Bích T tại thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam trị giá là 313.416.000 đồng.

Sau khi sở hữu khối tài sản trên, bà T chịu trách nhiệm thối trả ½ giá trị chêch lệch trong khối tài sản chung ngôi nhà cùng các công trình phụ cho ông Nguyễn Văn R số tiền là 156.708.000 đồng.

{2.3} Về án phí: Bà Huỳnh Thị Bích T và ông Nguyễn Văn R phải chịu trên giá trị tài sản được nhận là 156.708.000 đồng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 mục I tại danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ trên 6.000.000 đến 400.00.000 đồng x 5% giá trị tài sản tranh chấp. Do đó, bà T và ông R mỗi người phải chịu là 7.835.400 đồng án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 29, Điều 33, Điều 38, Điều 39 Điều 59, Điều 61 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn của bà Huỳnh Thị Bích T đối với ông Nguyễn Văn R.

Tuyên xử:

Phần bà Huỳnh Thị Bích T được nhận sở hữu: 01 *(Một)* ngôi nhà xây cấp 4 cùng các công trình phụ xây trên thửa đất số 473, tờ bản đồ số 21 do cá nhân bà Huỳnh Thị Bích T đứng tên chủ sử dụng đất tại thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam trị giá là 313.416.000 đồng *(Ba trăm mười ba triệu bốn trăm mười sáu ngàn đồng)*.

Sau khi sở hữu khối tài sản trên bà Huỳnh Thị Bích T chịu trách nhiệm thối trả ½ giá trị chêch lệch trong khối tài sản chung cho ông Nguyễn Văn R số tiền là 156.708.000 đồng *(Một trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm lẻ tám ngàn đồng)*.

Kể từ ngày ông R có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà T không thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị Bích T phải chịu 7.835.400 đồng *(Bảy triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm đồng)* án phí chia tài sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0004115 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Huỳnh Thị Bích T còn phải nộp 5.335.400 đồng *(Năm triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm đồng)* án phí chia tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn R phải chịu 7.835.400 đồng *(Bảy triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm đồng)* án phí chia tài sản.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

.

- Chi cục THADS huyện Đại Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Tự Soái

.

.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Đại Lộc;*
- *Chi cục THADS huyện Đại Lộc;*
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái